

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH BẾN TRE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG SẠCH BẾN TRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEN TRE CLEAN ENERGY
DEVELOPMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN NLS

2. Mã số doanh nghiệp: 1301138123

3. Ngày thành lập: 02/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

28K, Khu Phố 3, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0908527376

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây hàng năm khác	0119
3.	Trồng cây lâu năm khác	0129
4.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
5.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
6.	Khai thác và thu gom than non	0520
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
8.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
13.	Sản xuất giày, dép	1520
14.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
15.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
16.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
17.	Sản xuất than cốc	1910
18.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
26.	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
27.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
28.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
29.	Xây dựng công trình thủy	4291
30.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
31.	Phá dỡ	4311
32.	Chuẩn bị mặt bằng (loại trừ các hoạt động liên quan đến bom, mìn, thuốc nổ)	4312
33.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ bán buôn lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)	4620
38.	Bán buôn thực phẩm (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4632
39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
43.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4663
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá)	4711
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá)	4719(Chính)
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

52.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
53.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
54.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
57.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
61.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
64.	Hoạt động viễn thông khác	6190
65.	Lập trình máy vi tính	6201
66.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
67.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá bất động sản, trừ đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
71.	Đại lý du lịch	7911
72.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
73.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
74.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
75.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
76.	Dịch vụ đóng gói	8292
77.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
78.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TỪ HUỖNH ANH	235, Trần Văn Kiều, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0860900096 91	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		
2	BÙI SON LÂM	Số 58/C3, tỉnh lộ 885, ấp Phú Hòa, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tổng số	80.000	800.000.000	40,000	0010880182 33	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
3	TRẦN MẠNH NINH	28K, Khu Phố 3, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0220770003 66	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: TỪ HUỲNH ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/06/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 086090009691

Ngày cấp: 22/06/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Ấp Trung Tín, Thị Trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: 235 Trần Văn Kiếu, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre